TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2018/HNGĐ – ST
Ngày 27- 3- 2018.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST– HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2018/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Th, sinh năm 1974, có mặt.
Địa chỉ: ấp Thạnh TT, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Tống Thành H, sinh năm: 1974, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp Thạnh TT, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị Th trình bày:

Vào năm 2005 chị với anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; chị và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/10/2005. Thời gian chung sống chị và anh H có một con chung tên Tống Thúy V, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2007, hiện con chung đang sống chung với chị và cha, mẹ anh H tại địa chỉ ấp Thạnh TT, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị với anh H không tạo lập được tài sản chung, về nợ chung: không có.

Từ năm 2006 đến nay chị với anh H không còn sống chung, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, đập phá đồ dùng trong nhà, vô cớ đánh đập chị, cha mẹ anh H nhiều lần khuyên anh H nhưng anh H không thay đổi. Khi anh, chị không còn sống chung cha mẹ anh H không hàn gắn cho chị và anh H do anh H không thay đổi tính cách, lối sống. Năm 2009 anh H lập gia

đình khác và sinh sống ở tỉnh D, thỉnh thoảng anh H có về thăm con chung nhưng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị nhận thấy tình cảm giữa chị với anh H không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh H. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Tống Thúy V, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2007, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Tống thành H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh H vẫn vắng mặt không có ly do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị Th và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: từ năm 2006 đến nay chị Th và anh H không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai, cả hai không có thiện chí hàn gắn với nhau. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về thẩm quyền*: anh Tống Thành H có đăng ký hộ khẩu tại ấp Thạnh TT, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng:* sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh H các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H đều vắng mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ

quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: năm 2005 chị Th với anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị Th với anh H là phù hợp với qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Năm 2006 chị Th với anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu, đập phá đồ dùng trong nhà và vô cớ đánh đập chị. Chị và cha mẹ anh H khuyên nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi nên từ năm 2006 đến nay chị với anh H không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, có căn cứ các định tình trạng hôn nhân của chị Th, anh H đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: chị Th và anh H có một con chung tên Tống Thúy V, sinh ngày 08/9/2007, khi ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục nuôi con nhưng không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: từ khi anh H với chị Th không còn sống chung cho đến nay chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, hiện chị Th đủ điều kiện nuôi con chung, đồng thời cháu Tống Thúy V có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị Th. Vì vậy, nguyện vọng xin nuôi con của chị Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu Tống Thúy V cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Do chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, khi cần thiết chị Th có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về chia tài sản chung*: không có.

[5] *Về nợ chung*: không có

[5] *Về án phí*: chị Th phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, 82, 83 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Lê Thị Th. Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Tống Thành H. Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: chị Lê Thị Th được trực tiếp nuôi con chung tên Tống Thúy V, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2007. Do chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, khi cần thiết chị Th có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Th phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012167 ngày 24 tháng 10 năm 2017 và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- THADS huyện;
- UBND thị trấn Thạnh Phú.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Sơn– Phan Thị Cẩm Hồng	**Trần Thị Vân**

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân **Thaåm phaùn –**
Chuû toaï phieân toaø

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt **Huyønh Thò Pheâ**